

Số: 4579/LĐTBXH-TL
Về tiền lương năm 2006 đối với
Ngân hàng No&PTNT Việt Nam

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2006

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Trả lời công văn số 8520/NHNN-TCCB ngày 04/10/2006 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ghi tại trích yếu, sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính tại công văn số 15536/BTC-TCNH ngày 08/12/2006, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có ý kiến như sau:

1/ Đơn giá tiền lương năm 2006 đối với 04 Công ty thuộc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và 01 đơn giá chung của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam như sau:

a) Đơn giá tiền lương năm 2006 của Công ty In - Thương mại và dịch vụ Ngân hàng là 799,5 đồng/1000 đồng Tổng thu trừ tổng chi (chưa có lương), tương ứng với các chỉ tiêu:

- Doanh thu	:	119.100 triệu đồng
- Tổng chi phí (chưa có lương)	:	103.390 triệu đồng
- Tổng thu trừ tổng chi (chưa có lương)	:	15.710 triệu đồng
- Lợi nhuận	:	3.150 triệu đồng

b) Đơn giá tiền lương năm 2006 của Công ty Du lịch Thương mại ngân hàng là 807,7 đồng/1000 đồng Tổng thu trừ tổng chi (chưa có lương), tương ứng với các chỉ tiêu:

- Doanh thu	:	33.740 triệu đồng
- Tổng chi phí (chưa có lương)	:	22.198 triệu đồng
- Tổng thu trừ tổng chi (chưa có lương)	:	11.542 triệu đồng
- Lợi nhuận	:	2.220 triệu đồng

c) Đơn giá tiền lương năm 2006 của Công ty Kinh doanh mỹ nghệ, vàng bạc đá quý là 822,8 đồng/1000 đồng Tổng thu trừ tổng chi (chưa có lương), tương ứng với các chỉ tiêu:

- Doanh thu	:	31.350 triệu đồng
- Tổng chi phí (chưa có lương)	:	18.650 triệu đồng
- Tổng thu trừ tổng chi (chưa có lương)	:	12.700 triệu đồng
Trong đó: Dự phòng giảm giá vàng	:	5.500 triệu đồng
- Lợi nhuận	:	2.251 triệu đồng

Trường hợp đến cuối năm 2006, Công ty Kinh doanh mỹ nghệ, vàng bạc quý trích dự phòng giảm giá vàng nhưng không đến 5.500 triệu đồng thì phần chênh lệch làm lợi nhuận tăng không được tính lương.

d) Đơn giá tiền lương năm 2006 của Công ty Vàng bạc đá quý Thành phố Hồ Chí Minh là 820,9 đồng/1000 đồng Tổng thu trừ tổng chi (chưa có lương), tương ứng với các chỉ tiêu:

- Doanh thu	:	21.056 triệu đồng
- Tổng chi phí (chưa có lương)	:	12.557 triệu đồng
- Tổng thu trừ tổng chi (chưa có lương)	:	8.499 triệu đồng
- Lợi nhuận	:	1.522 triệu đồng

e) Đơn giá tiền lương năm 2006 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (sau khi tách 04 Công ty trên) là 600,3 đồng/1000 đồng Tổng thu trừ tổng chi (chưa có lương), tương ứng với các chỉ tiêu:

- Doanh thu	:	23.623.274 triệu đồng
- Tổng chi phí (chưa có lương)	:	21.245.020 triệu đồng
- Tổng thu trừ tổng chi (chưa có lương)	:	2.378.254 triệu đồng
- Lợi nhuận	:	950.000 triệu đồng
- Mức trích dự phòng rủi ro	:	3.800.000 triệu đồng

Năm 2006, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam phải trích đủ dự phòng rủi ro theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, theo kế hoạch dự kiến là 3.800 tỷ đồng. Trường hợp đến cuối năm 2006, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam trích dự phòng rủi ro theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 nêu trên nhưng không đến 3.800 tỷ đồng thì phần chênh lệch làm lợi nhuận tăng thêm không được tính lương.

2/ Thực hiện điều chỉnh đơn giá tiền lương khi Tổng thu trừ tổng chi (chưa có lương) thực hiện cao hơn kế hoạch như sau:

- Tổng thu trừ tổng chi (chưa có lương) thực tế thực hiện đạt dưới 120% so với kế hoạch thì đơn giá tiền lương bằng 100% đơn giá gốc.

- Tổng thu trừ tổng chi (chưa có lương) thực tế thực hiện đạt từ 120% đến dưới 130% so với kế hoạch thì phần vượt, đơn giá tiền lương bằng 50% đơn giá gốc.

- Tổng thu trừ tổng chi (chưa có lương) thực tế thực hiện đạt từ 130% trở lên so với kế hoạch thì phần vượt, đơn giá tiền lương bằng 30% đơn giá gốc; riêng đối với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tổng thu trừ tổng chi thực tế thực hiện đạt từ 150% trở lên thì không tính đơn giá tiền lương.

3/ Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2006 của Giám đốc 04 Công ty thuộc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và quỹ tiền lương của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam như sau:

a) Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2006 của Giám đốc Công ty In - Thương mại và dịch vụ Ngân hàng là: 182.496 nghìn đồng ;

b) Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2006 của Giám đốc Công ty Du lịch Thương mại ngân hàng là: 157.620 nghìn đồng;

c) Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2006 của Giám đốc Công ty Kinh doanh mỹ nghệ, vàng bạc đá quý là: 190.824 nghìn đồng;

d) Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2006 của Giám đốc Công ty Vàng bạc đá quý Thành phố Hồ Chí Minh là: 190.824 nghìn đồng;

e) Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2006 của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (sau khi tách 04 Công ty trên) là: 1.105.544 nghìn đồng

Quỹ tiền lương nói trên được tạm ứng hàng tháng nhưng tối đa bằng 80%, phần tiền lương còn lại được thanh toán vào cuối năm theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch được giao.

4/ Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ra quyết định theo thẩm quyền giao cụ thể đơn giá tiền lương và quỹ lương kế hoạch của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc năm 2006 đối với 04 Công ty trực thuộc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam trong khuôn khổ thoả thuận này, bảo đảm tiền lương, thu nhập hợp lý, gắn với năng suất, chất lượng, hiệu quả thực sự của các Công ty, Ngân hàng và gửi về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để theo dõi, kiểm tra. /

Nơi nhận:

- Như trên
- Bộ Tài chính
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- Lưu VP, Vụ TL



Huỳnh Thị Nhân